

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2010/TT-BKH

Hà Nội, ngày tháng năm 2010

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn điều kiện năng lực của tổ chức và cá nhân
thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư**

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12;

Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11;

Căn cứ Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 của Chính phủ qui định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về điều kiện năng lực của tổ chức và cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này quy định chi tiết về điều kiện năng lực của tổ chức và cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư quy định tại Khoản 4 và Khoản 5, Điều 7, Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15/12/2009 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư (sau đây viết tắt là Nghị định 113/CP).

2. Đối tượng áp dụng:

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hành nghề thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư tại Việt Nam.

Điều 2. Năng lực của cá nhân khi hành nghề thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư

1. Cá nhân khi thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định và phù hợp với tính chất công việc của từng dự án đầu tư.

2. Cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư phải có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với công việc đảm nhận do các cơ sở đào tạo hợp pháp của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp.

3. Năng lực của cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư được phân hạng dựa trên các tiêu chí sau:

a) Trình độ chuyên môn được đào tạo;

b) Kinh nghiệm thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư hoặc kinh nghiệm thực hiện các công việc liên quan đến quản lý dự án đầu tư (lập dự án đầu tư; thẩm định, thẩm tra dự án đầu tư; quản lý dự án đầu tư).

Điều 3. Năng lực của tổ chức thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư

1. Các tổ chức thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư phải có đủ điều kiện năng lực phù hợp với loại dự án; loại, cấp công trình (đối với dự án đầu tư xây dựng) và công việc do tổ chức đảm nhận thực hiện.

2. Năng lực của tổ chức thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư được phân hạng dựa trên cơ sở các tiêu chí sau:

a) Năng lực hành nghề của các cá nhân trong tổ chức;

b) Kinh nghiệm thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư;

c) Khả năng tài chính, số lượng lao động, thiết bị máy móc (kể cả các phần mềm hỗ trợ) thực có của tổ chức hoặc do tổ chức thuê để thực hiện theo yêu cầu của công việc.

Chương II

ĐIỀU KIỆN NĂNG LỰC CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 4. Điều kiện năng lực của cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư

1. Năng lực của cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư được phân thành 02 hạng: Hạng 1 và Hạng 2.

2. Năng lực của cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư hạng 2:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên;

b) Đã có thời gian tham gia các công việc liên quan đến quản lý đầu tư tối thiểu là 5 năm;

c) Đáp ứng một trong những điều kiện sau:

- Đã tham gia thực hiện đánh giá tối thiểu 01 dự án nhóm B;

- Đã tham gia thực hiện đánh giá tối thiểu 02 dự án nhóm C;
 - Đã tham gia lập dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) tối thiểu 05 dự án nhóm B;
 - Đã tham gia lập dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) tối thiểu 10 dự án;
 - Đã tham gia thẩm tra, thẩm định tối thiểu 05 dự án nhóm B;
 - Đã tham gia thẩm tra, thẩm định tối thiểu 10 dự án;
 - Đã tham gia quản lý đầu tư ít nhất tối thiểu 02 dự án nhóm B;
 - Đã tham gia quản lý đầu tư tối thiểu 04 dự án;
- d) Đã được học qua lớp đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cơ bản về đánh giá dự án đầu tư và được cấp chứng chỉ đào tạo do các cơ sở đào tạo hợp pháp của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp.

3. Năng lực của cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư hạng 1:

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên;
- b) Đã đạt tiêu chuẩn tư vấn đánh giá dự án đầu tư hạng 2 tối thiểu 5 năm hoặc có thời gian tham gia các công việc liên quan đến quản lý đầu tư tối thiểu là 10 năm;
- c) Đáp ứng một trong những điều kiện sau:
- Đã tham gia thực hiện đánh giá tối thiểu 01 dự án quan trọng quốc gia;
 - Đã tham gia thực hiện đánh giá tối thiểu 02 dự án nhóm A;
 - Đã tham gia thực hiện đánh giá tối thiểu 05 dự án nhóm B;
 - Đã tham gia thực hiện đánh giá tối thiểu 10 dự án nhóm C;
 - Đã tham gia lập dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) tối thiểu 01 dự án quan trọng quốc gia;
 - Đã tham gia lập dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) tối thiểu 02 dự án nhóm A;
 - Đã tham gia thẩm tra, thẩm định tối thiểu 01 dự án quan trọng quốc gia;
 - Đã tham gia thẩm tra, thẩm định tối thiểu 02 dự án nhóm A;
 - Đã tham gia quản lý đầu tư tối thiểu 01 dự án quan trọng quốc gia;
 - Đã tham gia quản lý đầu tư tối thiểu 02 dự án nhóm A;
- d) Đã được học qua lớp đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao về đánh giá dự án đầu tư và được cấp chứng chỉ đào tạo do các cơ sở đào tạo hợp pháp của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp.

4. Phạm vi hoạt động:

- a) Hạng 2: Được tham gia thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư đối với dự án nhóm B, C;

b) Hạng 1: Được tham gia thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, B, C.

Điều 5. Điều kiện năng lực của chủ trì thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư

1. Chủ trì thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư được phân thành 02 hạng: Hạng 1 và Hạng 2.

2. Năng lực chủ trì thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư hạng 2:

a) Đáp ứng điều kiện của cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư hạng 2 theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Thông tư này;

b) Đáp ứng một trong những điều kiện sau:

- Đáp ứng điều kiện của cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư hạng 1 theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Thông tư này;

- Đã tham gia thực hiện tư vấn đánh giá tối thiểu 05 dự án nhóm B;

- Đã tham gia thực hiện tư vấn đánh giá tối thiểu 10 dự án;

- Đã chủ trì lập dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) tối thiểu 05 dự án nhóm B;

- Đã chủ trì lập dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) tối thiểu 10 dự án;

- Đã chủ trì thẩm tra, thẩm định tối thiểu 05 dự án nhóm B;

- Đã chủ trì thẩm tra, thẩm định tối thiểu 10 dự án;

- Đã có thời gian làm Giám đốc Ban quản lý dự án tối thiểu là 5 năm.

3. Năng lực chủ trì thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư hạng 1:

a) Đáp ứng điều kiện của cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư hạng 1 theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư này;

b) Đáp ứng một trong những điều kiện sau:

- Đã tham gia thực hiện tư vấn đánh giá tối thiểu 03 dự án quan trọng quốc gia;

- Đã tham gia thực hiện tư vấn đánh giá tối thiểu 05 dự án nhóm A;

- Đã chủ trì thực hiện tư vấn đánh giá 05 dự án nhóm B;

- Đã chủ trì thực hiện tư vấn đánh giá 10 dự án;

- Đã chủ trì lập dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) tối thiểu 01 dự án quan trọng quốc gia;

- Đã chủ trì lập dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) tối thiểu 02 dự án nhóm A;

- Đã chủ trì thẩm tra, thẩm định tối thiểu 01 dự án quan trọng quốc gia;
- Đã chủ trì thẩm tra, thẩm định tối thiểu 02 dự án nhóm A;
- Có thời gian làm Giám đốc Ban quản lý dự án nhóm B trở lên tối thiểu 10 năm.

4. Phạm vi hoạt động:

a) Hạng 2: Được chủ trì thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư đối với dự án nhóm B, C;

b) Hạng 1: Được chủ trì thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, B, C.

Điều 6. Điều kiện năng lực của tổ chức thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư

1. Năng lực của tổ chức khi thực hiện hoạt động tư vấn đánh giá dự án đầu tư được phân thành 2 hạng như sau:

a) Hạng 2:

- Có ít nhất 5 người có đủ điều kiện năng lực thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư, trong đó có người đã từng làm chủ trì thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư 1 dự án nhóm B hoặc 2 dự án nhóm C;

- Đã thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư ít nhất 1 dự án đầu tư nhóm B hoặc 3 dự án đầu tư nhóm C.

b) Hạng 1:

- Có ít nhất 10 người có đủ điều kiện năng lực tham gia thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư, trong đó có người đã từng làm chủ trì thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư 1 dự án nhóm A hoặc 2 dự án nhóm B;

- Đã thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư ít nhất 1 dự án đầu tư nhóm A hoặc 3 dự án đầu tư nhóm B.

2. Phạm vi hoạt động của tổ chức thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư:

a) Hạng 2: Được thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư dự án nhóm B, C cùng loại;

b) Hạng 1: Được thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư các quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, B, C cùng loại.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của chủ đầu tư

Cơ quan tổ chức thực hiện đánh giá dự án đầu tư có trách nhiệm:

1. Căn cứ vào quy mô, tính chất công việc cụ thể để lựa chọn tổ chức, cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư.

2. Lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực để thực hiện hoạt động tư vấn đánh giá dự án đầu tư theo quy định của Nghị định 113/CP và quy định của Thông tư này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc lựa chọn tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện năng lực để thực hiện các công việc dẫn đến không đảm bảo chất lượng hoặc xảy ra sự cố gây thiệt hại về người và tài sản.

3. Phải thường xuyên kiểm tra, giám sát, tạm dừng hoặc đình chỉ thực hiện công việc đến khi tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện năng lực theo hợp đồng đã ký kết, theo quy định của Nghị định 113/CP và quy định của Thông tư này.

4. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi hoạt động tư vấn đánh giá dự án đầu tư

Tổ chức, cá nhân khi hoạt động tư vấn đánh giá dự án đầu tư:

1. Chỉ được thực hiện hoạt động tư vấn đánh giá dự án đầu tư khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định.

2. Tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn để đánh giá dự án đầu tư, đảm bảo chất lượng và hiệu quả; tổ chức tự giám sát đảm bảo chất lượng sản phẩm, nghiệm thu theo quy định hiện hành.

3. Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về việc khi thực hiện hoạt động tư vấn đánh giá dự án đầu tư không có đủ điều kiện năng lực theo quy định.

4. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

b) Kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền hoặc yêu cầu xử lý đối với các tổ chức, cá nhân khi hoạt động tư vấn đánh giá dự án đầu tư vi phạm các quy định về điều kiện năng lực trên phạm vi cả nước.

2. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này đối với các tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức kiểm tra, xử lý các tổ chức, cá nhân khi hoạt động tư vấn đánh giá dự án đầu tư vi phạm các quy định về điều kiện năng lực trên địa bàn.

3. Các Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Tổ chức kiểm tra điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân khi hoạt động tư vấn đánh giá dự án đầu tư trên địa bàn theo quy định của Nghị định 113/CP và quy định của Thông tư này.

b) Tạm dừng hoặc đình chỉ khi tổ chức hoạt động tư vấn đánh giá dự án đầu tư vi phạm các quy định của Nghị định 113/CP và của Thông tư này.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày / /2010.

2. Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tư vấn đánh giá dự án đầu tư và tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện các quy định của Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời xem xét, điều chỉnh./.

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91;
- Website của Chính phủ; Công báo;
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Ban quản lý các Khu kinh tế;
- Các đơn vị thuộc Bộ KH&ĐT;
- Cục kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, GS&TĐĐT.L().

BỘ TRƯỞNG

Võ Hồng Phúc